| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ LÀO CAI**<br>**TỈNH LÀO CAI** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 33/2023/HNGĐ-ST
Ngày 17/7/2023
V/v *"Kiện ly hôn"*.

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LÀO CAI, TỈNH LÀO CAI

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà*: Bà Hà Thị Anh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Hoàng Văn Ngân;
2. Bà Vũ Thị Hòa;

***Thư ký Toà án ghi biên bản phiên tòa:*** Ông Hoàng Xuân Sơn– Thư ký Toà án nhân dân thành phố Lào Cai.

Ngày 17 tháng 7 năm 2023, tại Trụ sở Toà án nhân dân thành phố Lào Cai, Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 70/2023/TLST - HNGĐ ngày 14/4/2023 về việc kiện "Ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 04/7/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2023/QĐST- HNGĐ ngày 11/7/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Hải Y - sinh năm 1992
Địa chỉ: Tổ F, phường K, thành phố L, tỉnh Lào Cai. Có mặt.
Bị đơn: Anh Đỗ Hùng C - Sinh năm 1985
Địa chỉ: Tổ B, phường K, thành phố L, tỉnh Lào Cai. Có mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hải Y trình bày: Chị và anh Đỗ Hùng C kết hôn ngày 01/9/2022 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường K, thành phố L trên cơ sở tự nguyện. Trước khi kết hôn anh chị chỉ có thời gian ngắn tìm hiểu nhau nên chưa hiểu rõ tính cách của nhau. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung được hai ngày thì cả nhà chồng bị covid nên chị về nhà mẹ đẻ ở, vợ chồng anh chị cũng chưa có quan hệ vợ chồng, khi nói chuyện thường xảy ra cãi nhau, không có tiếng nói chung, chị sống ly thân với anh C kể từ khi về nhà mẹ đẻ đến nay. Do vợ chồng thường hay xảy ra bất đồng quan điểm nên chị Y suy nghĩ nhiều, phải đi khám bệnh trầm cảm. Đến nay, chị Y xác định chị không còn tình cảm với anh C, đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đỗ Hùng C.

Về con chung, tài sản chung: Quá trình chung sống anh chị không có con chung, không có tài sản chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa bị đơn anh Đỗ Hùng C trình bày: Về thời gian, địa điểm, điều kiện kết hôn như chị Y trình bày là đúng. Trước khi kết hôn anh C xác định anh chị có ít thời gian tìm hiểu, anh chị tự nguyện lấy nhau vì thấy hoàn cảnh, gia thế hợp nhau. Sau khi kết hôn, chị Y ở nhà anh C được hai ngày, sau đó do gia đình anh C bị covid nên chị Y về nhà mẹ đẻ ở. Từ lúc kết hôn chị Y không cho anh quan hệ vợ chồng, không thực hiện nghĩa vụ vợ chồng. Vợ chồng khi nói chuyện không có tiếng nói chung, thường hay cãi nhau. Đến nay chị Y có đơn xin ly hôn, quan điểm của anh C là anh không có hành vi bạo lực gia đình nên chị Y không được ly hôn với anh theo khoản 3 Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân gia đình. Anh C cho rằng chị Y phải thực hiện nghĩa vụ sống chung với anh theo Điều 19 Luật hôn nhân gia đình.

Về con chung, về tài sản chung: Quá trình chung sống anh chị không có con chung, không có tài sản chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng các bên không thống nhất thỏa thuận được, vì vậy Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên toà nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hải Y vẫn giữ nguyên quan điểm, bị đơn anh Đỗ Hùng C vẫn giữ nguyên ý kiến.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn nộp đầy đủ các chứng cứ theo quy định. Tranh chấp của vụ án là tranh chấp hôn nhân gia đình, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai theo khoản 1 điều 28; khoản 1 điều 35, khoản 1 điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2]Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Hải Y và anh Đỗ Hùng C kết hôn với nhau ngày 01/9/2022 có đăng ký kết hôn tại UBND phường K, thành phố L trên cơ sở tự nguyện. Do vậy hôn nhân giữa anh chị được xác định là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng anh chị không hạnh phúc. Bản thân anh C và chị Y đều khẳng định trước khi kết hôn vợ chồng anh chị có ít thời gian tìm hiểu nhau, anh chị lấy nhau vì điều kiện, hoàn cảnh phù hợp nhau. Sau khi kết hôn anh chị chưa có thời gian sống chung, khi nói chuyện với nhau thường xảy ra cãi nhau. Hơn nữa từ khi kết hôn đến nay chị Y và anh C đều xác định giữa anh chị chưa phát sinh quan hệ vợ chồng nên tình cảm vợ chồng chưa có sự gắn bó yêu thương mà ngày càng xa cách. Vợ chồng anh chị sống ly thân từ khi chị Y về nhà mẹ đẻ đến nay, thi thoảng hai bên có liên lạc với nhau nhưng anh chị không thể hòa hợp, thường xảy ra cãi nhau. Mặc dù giữa anh chị không xảy ra hành vi bạo lực gia đình nhưng sau khi kết hôn anh chị không sống chung với nhau, không gắn bó với nhau về tình cảm, thậm chí do không hợp tính nhau, thường cãi nhau nên chị Y phải đi khám chữa bệnh trầm cảm. Như vậy cuộc sống vợ chồng giữa anh chị đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn

cứ khoản 1 điều 51; khoản 1 điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Hải Y là phù hợp.

[3]Về con chung: Quá trình chung sống anh chị không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]Về tài sản chung: Anh chị không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5]Về án phí: Chị Nguyễn Thị Hải Y phải chịu tiền án phí ly hôn theo khoản 4 điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí.

*Vì các lẽ trên:*

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình; Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Hải Y và anh Đỗ Hùng C, quan hệ hôn nhân chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Hải Y phải chịu 300.000VNĐ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000VNĐ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000202 ngày 13/4/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Lào Cai. Chị Y đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND TP Lào Cai (2);
- Các đương sự (2);
- Chi cục THADS TP Lào Cai;
- UBND phường Kim Tân, TP Lào Cai;
- Lưu HS; Lưu TA;

**TM - HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**
**Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**

**Hà Thị Anh**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ** **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hà Thị Anh**

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh;
- VKSND (2);
- Các đương sự;
- THADS huyện Bảo Yên;
- UBND xã Nghĩa Đô
- Lưu HS; TA; VP.

**TM - HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**
**Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**

**Hà Thị Anh**